

BIỂU TƯỢNG NGÔI NHÀ, BẾP LỬA TRONG TIỂU THUYẾT CỦA CÁC NHÀ VĂN DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI PHÍA BẮC SAU 1986

Bé Thị Thu Huyền¹

Tóm tắt: Sau 1986, văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam nói chung, tiểu thuyết của các nhà văn dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc nói riêng đã đạt được những thành tựu nổi bật, cho thấy sự nỗ lực đáng kể của đội ngũ nhà văn dân tộc thiểu số - vốn được xem là các “sứ giả văn hóa” của dân tộc mình. Một trong những thành công của các nhà văn dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc sau Đổi mới có thể kể đến là việc họ kiến tạo một hệ thống biểu tượng văn hóa đặc sắc làm nên dấu ấn riêng không thể lẫn của dân tộc mình trong bức tranh đa sắc màu của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Trong bài viết này, chúng tôi đi sâu khai thác và khám phá giá trị văn hóa của biểu tượng ngôi nhà và bếp lửa – hai trong số những biểu tượng văn hóa mang chiều sâu tư duy và chứa đựng những quan niệm nhân sinh tiêu biểu của đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc.

Từ khóa: biểu tượng, ngôi nhà, bếp lửa, văn hóa, tiểu thuyết, nhà văn dân tộc thiểu số, miền núi phía Bắc.

1. MỞ ĐẦU

Sau 1986, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền văn học nước nhà, văn học các dân tộc thiểu số (DTTS) Việt Nam với tư cách là một bộ phận cấu thành và không thể thiếu của nền văn học ấy, đã đạt được một bước tiến dài cả về số lượng và chất lượng, trong đó văn xuôi và cụ thể là thể loại tiểu thuyết đã có sự phát triển vượt bậc so với giai đoạn trước. Miền núi phía Bắc (MNPB) – khu vực đặc sắc trong bản đồ các vùng văn hóa Việt Nam là khu vực có sự phát triển nổi bật hơn cả, với nhiều gương mặt các nhà văn thuộc nhiều DTTS khác nhau, có những đóng góp đáng kể ở thể loại tiểu thuyết: Vi Hồng, Triều Ân, Ma Trường Nguyên, Hoàng Luận, Cao Duy Sơn, ... (dân tộc Tày), Vương Trung, Cẩm Hùng, Thái Tâm (dân tộc Thái), Hà Trung Nghĩa (dân tộc Mường), Hoàng Hữu Nam (dân tộc Nùng), Lù Dín Siêng (dân tộc Giáy)... Tiểu thuyết của các nhà văn DTTS MNPB đã xây dựng hệ thống các biểu tượng như một trong những phương tiện biểu đạt văn hóa của các tộc người vô cùng đặc sắc và độc đáo.

Trong công trình *Mỹ học*, Hê ghen đã nhấn mạnh: “Các dân tộc đã kí thác vào sáng tác nghệ thuật những chiêm ngưỡng nội tâm và những biểu tượng của mình. Nghệ thuật thường là một cái chìa khóa, và ở một vài dân tộc, đó là cái chìa khóa duy nhất để tìm hiểu sự khôn ngoan, sáng suốt và tôn giáo của họ” [4, tr.65]. Nghiên cứu thế giới biểu

¹ Trường Đại học Hạ Long, Email: thuhuyen.daihochalong@gmail.com

tượng trong tác phẩm văn học nói chung, tiểu thuyết của các nhà văn DTTS MNPB nói riêng, do đó, có một ý nghĩa vô cùng quan trọng, có thể coi như công việc “mở khóa” để bước vào đời sống văn hóa, thế giới tinh thần cùng với những quan niệm nhân sinh vốn vô cùng độc đáo và khác biệt – cái góp phần không nhỏ làm nên bản sắc riêng của mỗi cộng đồng người. Hai trong số những biểu tượng văn hóa hấp dẫn và thú vị trong tiểu thuyết của các nhà văn DTTS MNPB sau 1986 là biểu tượng ngôi nhà và bếp lửa.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Ngôi nhà, bếp lửa là nơi để dù đi đâu con người miền núi vẫn khao khát được trở về, một chốn về bình dị, ấm áp, thân quen: *“Đi đâu rồi cũng trở về/ Nước mức bằng gáo/ Gạo vẫn đong bằng đấu/ Bên bếp mắt lại nhìn nhau đau đau/ Đêm dài lửa ấm có em”* (Quê hương – Dương Thuấn). Trong những dòng thơ thân thương ấy, Dương Thuấn không nhắc tới ngôi nhà mà ngôi nhà lại hiện lên rõ nét và ấn tượng vô cùng. Nhà thơ dân tộc Thái Lò Cao Nhum cũng có những vần thơ vô cùng sâu sắc về ngôi nhà và bếp lửa, dường như từ cả “vạn năm” rồi, trong tâm thức tộc người ngôi nhà thân thuộc và bếp lửa “đơm nòng” đã đi cùng với hành trình của cả dân tộc, hành trình của mỗi đời người: *“Ngọn lửa thuở hồng hoang/ Bập bùng hoa cà hoa cải/ Ngôi nhà đóm lửa/ Âm i cùng gió hú/ Đơm nòng sải dọc vạn năm”* (Vòng xòe). Ngôi nhà, bếp lửa trở thành những biểu tượng đặc sắc lưu những dấu ấn văn hóa độc đáo của mỗi tộc người trong tiểu thuyết của các tác giả DTTS MNPB sau 1986.

2.1. Biểu tượng ngôi nhà

Trước hết, trong quan niệm của đồng bào DTTS MNPB, ngôi nhà là tài sản, là vật sở hữu quan trọng bậc nhất trong đời sống vật chất của con người nói chung, nó có ý nghĩa to lớn trong việc thể hiện vai trò, bản lĩnh và trách nhiệm của người đàn ông vốn được coi là “trụ cột” trong mỗi gia đình. Nếu như người Kinh quan niệm “Tậu trâu, cưới vợ, làm nhà/ Cả ba việc ấy thật là khó thay” thì với các tộc người DTTS, việc làm nhà cũng là một công việc trọng đại trong cuộc đời của con người. Quan niệm này được thể hiện theo những cách thức khác nhau ở từng dân tộc nhưng vẫn mang những nét chung thống nhất. Quan niệm của người Dao tiền Phja Đeng về vai trò, bản lĩnh của người đàn ông được nhà văn Cao Duy Sơn đề cập tới trong tiểu thuyết *Đàn trời*: người đàn ông miền núi không chỉ biết cầm cung nỏ, súng kíp, biết đặt cạm bẫy thú rừng, biết lên nương tra hạt ngô, hạt lúa, biết bỏ đất đồi hạ xuống làm ruộng bậc thang, bắt con nước trong khe, trong suối cất lúa nước, mà quan trọng hơn nữa, đó là người có trách nhiệm với gia đình, làm công việc của người trụ cột đó là “trèo lên núi hạ cây dựng nhà, đắp cái lò đun rục lửa hồng”. Không chỉ người Dao tiền mà các DTTS khác ở MNPB: Tày, Nùng, Thái, Mông, Dao, Mường, Giáy... đều coi trọng ngôi nhà và bếp lửa. Trong *Đất bản quê cha* (Vương

Trung), khi cô Sươi góa chồng gặp được một anh góa vợ, anh đã nghĩ rất thấu đáo về chuyện nhà cửa trước khi họ về ở với nhau “Anh sẽ cố gắng nhanh chóng làm nhà mới. Dụng xong nhà là anh đón em về”. Ngôi nhà mới gắn liền với sự kiện trọng đại trong cuộc đời của người đàn ông dân tộc Thái, dù một lần lỡ dở hạnh phúc vẫn cố gắng vượt qua những thử thách của định mệnh, có những suy nghĩ chín chắn và nghiêm túc cho tương lai của chính mình.

Ngôi nhà với bàn thờ tổ tiên gắn liền với nhân sinh quan của con người miền núi, là biểu tượng thiêng liêng của gia đình, dòng tộc; là nơi thực thi và thể hiện của nề nếp gia phong, phong tục tập quán của mỗi tộc người – tại nơi đó, những nét văn hóa đặc sắc, độc đáo của mỗi dân tộc được bộc lộ tập trung và sắc nét. Ngôi nhà của người DTTS MNPB có một ý nghĩa hết sức đặc biệt. Ngôi nhà trước hết là nơi sinh sống, gắn bó với cuộc đời mỗi con người, là nơi con người trú ngụ, nơi con người được bảo vệ, tạo cho con người cảm giác an toàn: “Con chim có tổ. Con người cần có mái nhà” (*Bến đời* – Ma Trường Nguyên). Nhà còn là nơi thể hiện rõ những nét văn hóa độc đáo của mỗi dân tộc bởi mỗi dân tộc thường có một kiểu nhà khác nhau gắn với những phong tục tập quán khác nhau. Đằng sau ngôi nhà là cả một câu chuyện dài, câu chuyện về tổ tiên, dòng họ, gia đình, câu chuyện về truyền thống, câu chuyện về tình nghĩa, về lễ lối gia phong, câu chuyện về văn hóa... Ngôi nhà đá của người Tày Nùng được Cao Duy Sơn khắc họa trong *Hoa mạn đở* mang những nét kiến trúc đặc biệt của người Nùng “ngôi nhà xây bằng đá học rộng dễ đến gần trăm mét vuông, tường để trơ đá, chỉ những mạch vữa ôm vòng những viên đá kích cỡ khác nhau tạo nên những hình thù kì dị, lão cho đây là cái lô cốt khổng lồ”. Đó là niềm tự hào của ông lão Lâu - người Tày về ngôi nhà có đủ “ba mươi sáu cột đá cả thầy” trong *Mũi tên ám khói* (Ma Trường Nguyên). Thông – chàng bộ đội dân tộc Nùng (*Hoa mí rừng* – Địch Ngọc Lâm) khi bước vào ngôi nhà của ông già Tây Nguyên bỗng cảm thấy vô cùng trân trọng và yêu mến người chủ căn nhà. Anh vô cùng thích thú với những loại nhạc cụ treo trên vách được người chủ nhà chăm chút, nâng niu và giới thiệu một cách đầy tự hào. Chỉ cần nhìn ngắm ngôi nhà được trang hoàng theo cách riêng của người Tây Nguyên, Thông cảm nhận được sự ấm cúng, cảm nhận được sức mạnh vật chất và tinh thần, cảm nhận và lí giải được vì sao mọi người lại bám trụ ở nơi đây – dù luôn phải đối mặt với súng đạn của kẻ thù. Ngôi nhà của người Mông (*Đổi mặt phía nửa đêm* – Mã Anh Lâm) cũng thật đặc biệt – ngôi nhà với những vật dụng quen thuộc, gắn bó với cuộc sống hàng ngày trở nên vô cùng thiêng liêng gắn với quan niệm độc đáo của tộc người: trong ngôi nhà có các vị phúc thần ẩn trong cái cuốc, con dao, cái cày, cái bừa, bếp lửa, cột cái, cửa chính, bếp lò, chuồng gia súc, bò hóng, sào ngô, sào đậu tương, cối ngàn, cối nhà, cối xay, súng kíp, giỏ cá, mỗi thứ nông cụ, mỗi loại hiện vật đều được dán một tờ giấy bản, ngụ ý rằng ông bà chủ tạ ơn chúng đã giúp đỡ lam làm, đồng cam cộng khổ suốt

một năm trời đặng đặng mà chẳng hề kêu ca, phàn nàn hay oán trách. Mỗi đồ vật trong ngôi nhà đều có một đời sống riêng, chính sự nâng niu, trân quý và thái độ ứng xử, đối đãi tốt đẹp của con người dành cho chúng là một nét đẹp văn hóa độc đáo.

Trong *Đàn trời*, Cao Duy Sơn đã khai thác ý nghĩa văn hóa trong biểu tượng ngôi nhà truyền thống của người Tày qua cảm nhận của các thế hệ con cháu. Ngôi nhà của Vương được cất lên từ thời cụ nội. Tuy không đồ sộ như những ngôi nhà hiện đại ngoài mặt phố nhưng nó luôn tạo cho anh cảm giác thư thái và vô cùng gắn bó mỗi khi mở cửa bước vào, nhắm mắt lại Vương như nghe có tiếng nói của các thế hệ trong ngôi nhà này. Giờ chỉ còn hai mẹ con nhưng Vương luôn thấy được sống đầy đủ với những khuôn mặt yêu thương của các thế hệ. Tình cảm của con người với ngôi nhà của mình được hình thành một cách tự nhiên và dần tụ dần theo năm tháng. Với Vương, anh yêu ngôi nhà của mình bằng một tình yêu vừa giản dị, vừa thiêng liêng. Vương yêu ngôi nhà từ những điều bé nhỏ, giản đơn: yêu cả lớp vôi quét tường màu vàng chanh giờ đã phai nhạt theo thời gian, chiếc bàn hình chữ nhật, hai bên đặt hai chiếc ghế bản rộng, chân choãi hình chữ A bằng nghiêng đồ, đèn tường và trần nhà được ghép bằng gỗ dính lên nước đen bóng, luôn tạo một cảm giác yên tĩnh dễ chịu. Nhà là nơi lưu giữ những kí ức đẹp đẽ, vẹn nguyên trong cuộc đời mỗi con người. Thức trong giây phút trở về ngôi nhà của pa Mạc ở Phja Đeng đã có một cảm xúc thật lạ lùng: “Người xưa như vẫn đâu đây. Chú Dí ngồi góc này dáng cao to như một gã khổng lồ, rượu trong bát tràn ra cả tiếng cười. Tía ngồi góc kia, lặng lẽ như một pho tượng, còn ta ăn no và ngủ lãn trên tấm phản gỗ như một chú mèo con. Giờ quanh đây chỉ còn có gió” (*Đàn trời* – Cao Duy Sơn). Kí ức giống như một thước phim quay chậm về hành trình trở về của nhân vật, ngôi nhà đơn sơ giản dị cùng những gương mặt thân thuộc ngày nào bất chợt hiện về trong tâm trí Thức vừa gắn bó, thân thiết vừa đầy tiếc nuối, băng khuâng. Kí ức như một cái gì đó bất khả xâm phạm, luôn được lưu giữ và trân trọng “Nếp nhà của anh nó nhỏ hẹp quá không có chỗ để em nằm. Nỡ nào lại để em nằm chỗ của vợ đã khuất, nó là điều không nên không phải, không phải đối với em và không phải đối với cả người đã mất, cả cũ lẫn mới đều nên tôn trọng. Cô ấy đã mang cái nhà ấy ra đi sống trong cõi vĩnh hằng”. Người đàn ông dân tộc Thái (*Đất bản quê cha* – Vương Trung) đã có những suy nghĩ sâu sắc và thấu đáo như vậy trước khi cưới vợ mới, anh tôn trọng cả quá khứ và hiện tại, trân trọng cả người vợ đã khuất và người vợ hiện tại. Ngôi nhà cũ là nơi lưu giữ những kí ức về gia đình nhỏ thuở xa xưa, anh vẫn muốn giữ gìn, nâng niu và trân trọng. Tiểu thuyết *Chòm ba nhà* của nhà văn Cao Duy Sơn một lần nữa tái hiện những cảm xúc vừa gần gũi, vừa thiêng liêng của cậu bé San khi phải rời xa ngôi nhà yêu dấu, thân thuộc của mình. Cậu bé cảm thấy như bị tước đoạt một thứ vô cùng quý giá, đó là “thế giới của tuổi thơ vĩnh cửu”, là “quá khứ tươi đẹp”. Mỗi đồ vật bé nhỏ thân quen đều là một phần quan trọng gắn với những kí ức tươi đẹp của tuổi thơ êm đềm, cậu bé nhìn ngắm lần cuối thật lâu “như muốn in sâu chúng

vào lòng”, “chiếc cột tre góc bếp có một vết chém ngang, chứa những đồng xu tiết kiệm”, “tờ báo ố vàng bong tróc trên tường”, “bức tranh về những đứa trẻ cắp sách đi học”. Ký ức của cậu bé San về ngôi nhà của chị Lương đã trở thành những kỉ niệm đầy thương nhớ: “Ngôi nhà bằng gỗ nghiêng vũng chãi rập roap tiếng bước chân. Đặt nải lúa nếp lên mặt cối đá, chị Lương ngồi bên bếp nhóm lửa” (*Chòm ba nhà* – Cao Duy Sơn).

Ngôi nhà còn là biểu tượng thể hiện những quan niệm nhân sinh của các cộng đồng DTTS MNPB. Trong *Đất bản quê cha*, nhà văn Vương Trung đã nói tới quan niệm nhân sinh tích cực của người Thái. Người Thái quan niệm: “Nhà đặt nơi đâu đời bám rễ đâm chồi tại đó. Nó giống như cây cối, rễ cọc cây còi, rễ thưa cây trụi, rễ mập cây to, rễ chùm cây sum suê”. Quan niệm của người Thái cũng được thể hiện rõ nét: “nhà cửa khang trang để khi sang kiếp ma cũng được sống sung sướng”. Người Thái đặc biệt có ấn tượng không tốt đối với “nhà bà góa”. Nhà bà góa có hai loại, nhà có con trai và nhà không có con trai. Nhà có con trai là nhà có người nối dõi (dù còn bé bỏng) thì có gian thờ gia tiên tức là có “cọ hóng”. Trong “cọ hóng” có chồng có cha của mẹ góa con côi, có ông bà, có cụ kỵ “đảm hộ” phù hộ độ trì cho mọi người đang sống trong nhà, không để cho ma quỷ hại hồn bắt vía bị sa sút ốm đau, luôn luôn được khỏe mạnh làm ra ăn nên. Bà góa có chỗ dựa tinh thần, thông thoát tâm linh. Khi qua đời, bà góa sẽ được con hiền của cải làm lễ tang, tiền vong hồn đi cùng chồng sống trên cõi vĩnh hằng, thoát cảnh cô quả, được nhập đăm nhập tổ thành gia tiên hưởng những lễ cúng giỗ của con cháu. Nhà không có con trai gọi là “nhà bà góa tiết nòi”, nhà không có “cọ hóng”, không có gia tiên phù hộ độ trì, hồn vía không có chỗ dựa, đơn thân độc mình chống chọi với ma quỷ, chẳng có gia tiên phù hộ số được lộc may làm ăn tốt lành. Sau khi bà góa qua đời thì cái thang nhà bà sẽ bị lật úp (nghĩa là đã tiết nòi không còn nhà cửa nối tiếp nữa). Nỗi khổ tâm nhất trong cuộc đời của bà Sươi (*Đất bản quê cha* – Vương Trung) đó là nhà bà được ví là “nhà bà góa tiết nòi”. Nỗi sợ về sự cô đơn khi về già không đáng sợ bằng nỗi ám ảnh tâm linh. Người Tày thì luôn tâm niệm, ngôi nhà đã gắn bó với bao kỉ niệm thương nhớ không thể là ngôi nhà hoang được. Vậy nên, khi chị Lương (*Chòm ba nhà* – Cao Duy Sơn) bị giam cầm vì oan ức, công dân chòm ba nhà vẫn họp mặt đông đủ ở nhà chị Lương, ngôi nhà từ lâu đã trở thành ngôi nhà chung cho mọi người chòm ba nhà. Ngôi nhà ấy không thể bỏ hoang, nó phải “luôn được sưởi ấm hơi người”, bởi chủ nhân “chỉ như vừa mới đi đâu đó”, rồi “chị sẽ quay về ngay thôi” (*Chòm ba nhà* – Cao Duy Sơn). Những tâm niệm ấy, những suy nghĩ và việc làm ấy thật đáng quý, đáng trân trọng, nó không chỉ thể hiện quan niệm nhân sinh của người Tày mà còn thể hiện một cách sâu sắc và xúc động những mối ân tình nâng đỡ tâm hồn con người trong cuộc sống.

Ngôi nhà còn là biểu tượng nơi để trở về, là nơi neo đậu bền chặt của tâm hồn con người. Các nhà văn DTTS MNPB đã khéo léo khai thác ý nghĩa thiêng liêng đó của biểu

tượng ngôi nhà đối với mỗi con người. Mỗi khi con người mệt mỏi rã rời giữa cuộc đời chông gai hay bão tố, phải nếm trải muôn vàn những nỗi buồn và sự thất bại thì nơi để họ trở về là ngôi nhà thân thương, điểm tựa để họ không gục ngã là vòng tay ôm ấp của những người thân yêu trong gia đình. Trong *Cực lạc* của Cao Duy Sơn, người đọc bắt gặp tâm trạng của Mạc – kẻ lạc thời, trở về sau chiến tranh, mất người yêu, bơ vơ, cô độc, điên loạn, mất trí... sau giây phút tỉnh táo chợt cảm nhận được về quê hương với những ngôi nhà cũ kĩ, bình yên đến lạ khiến lòng anh dịu lại: “Vẫn lũ chim câu xếp thành hàng trên những nóc nhà cũ kĩ, âu yếm và thanh thản rúc mỏ ria vào bộ lông xù trắng muốt, chúng dịu dàng và hiền lành giữa bình yên khiến lòng ta dịu lại”. *Người lang thang* (Cao Duy Sơn) lại là một câu chuyện đầy cảm động về hành trình của những con người sống kiếp lang thang không nhà không cửa đã gắn kết với nhau thành một gia đình chung sống dưới một mái nhà theo đúng nghĩa. Khi tất cả mọi người – những thân phận lang thang, bất hạnh, những mảnh vỡ của cuộc đời được gắn kết với nhau, “cùng về chung sống dưới một mái nhà” – lão Tền thấy lòng mình ấm lại. Bởi khi cùng chung sống dưới một mái nhà, những thân phận bất hạnh và khổ đau đã cùng về tụ một nơi, cạnh những người máu mủ thân thiết nhất của mình thì “linh hồn của họ sẽ không bao giờ còn phải lang thang nơi khe sâu, rừng rậm, họ đã có một ngôi nhà để ở, một ban thờ để trú” (*Người lang thang* – Cao Duy Sơn). Ngôi nhà không chỉ là nơi nương náu của người sống mà còn là nơi trú ngụ của những linh hồn đã khuất. Vì thế, ngôi nhà là một biểu tượng vừa gần gũi vừa thiêng liêng. Người già đã dạy lại cho các thế hệ cháu con về ý nghĩa của ngôi nhà trong đời sống tinh thần của con người: “cháu đã cất tiếng nói đầu tiên trong căn nhà này, và đặt bước đi đầu tiên trong cánh tay của mọi người ở đây. Còn có những ai thương cháu hơn ông bà, pa mẹ và các em của cháu nếu đó không phải là những người ruột thịt... Cháu là con chim xa tổ đã hơn ba ngàn ngày, giờ đến lúc phải tìm về, nơi ấy mẹ cháu đang đau khổ và héo mòn vì nhớ thương” (*Người lang thang* – Cao Duy Sơn). Chị Lương (*Chòm ba nhà* – Cao Duy Sơn) sau những tháng ngày bị giam cầm, lưu lạc, trở về với ngôi nhà xưa giờ chỉ còn dấu tích, vẫn có những xúc cảm đến nghẹn ngào, trước nền nhà đã cũ, trước những cột gỗ nghiêng lẩn trong những mảnh ngói âm dương, chị cảm thấy như mọi người vẫn ở quanh đây.

Trong tiểu thuyết của các nhà văn DTTS MNPB, ngôi nhà còn là biểu tượng của khát vọng hạnh phúc, khát vọng yêu thương. Hành trình của tình yêu là sự gắn kết hai trái tim chung nhịp đập dưới cùng một mái nhà ấm áp. Đó là câu chuyện đầy cảm động giữa hai vợ chồng người Nùng trong *Hoa mạn đở* (Cao Duy Sơn): Trong một lần đưa Mây Lìn trở về quê ngoại, đi lễ tết thanh minh, Tài Pẩu đã hứa “Anh sẽ dựng cho em một ngôi nhà ở ngay đây nhá!”, “Cả nhà mình sẽ chung sống tại đây”. Để rồi sau đó Tài Pẩu sau một lần truy đuổi đàn khỉ phá nương ngô, bị trúng bẫy của Chằng – người tình cũ của Mây Lìn – đã mãi mãi không trở về. Lời hứa ngày nào chỉ còn là một kỉ niệm không thể người quên

trong lòng người đàn bà đã trải qua bao thăng trầm của kiếp người. Để rồi hễ cứ tháng ba về, khi hoa mận nở cũng là lúc Mây Lìn thổn thức và xao xuyến cố kìm nén xúc cảm và che giấu nỗi khát khao, khắc khoải khôn nguôi về một hạnh phúc không thành. Cây mận già với những cành trắng bay nhẹ như tuyết rơi nhắc nhớ đến mùa tảo mộ năm nào có người hứa với Mây Lìn sẽ làm một ngôi nhà thật đẹp, nhưng giờ ngôi nhà chỉ còn lại trong mơ. Nỗi khát khao trở về với ngôi nhà xưa trở thành một nỗi ám ảnh khôn nguôi đối với cậu bé San (*Chòm ba nhà* – Cao Duy Sơn), cậu ước ao có một phép màu cho thời gian trở lại. Cha, mẹ, các chị và anh lại cùng sống bình yên trong ngôi nhà này. Cậu muốn mình cứ mãi như lúc ba tuổi và nhỏ tựa chiếc bình nhuộm nắng vàng trong hoàng hôn kí ức, đến nỗi cậu đã tuyên bố với cha rằng cậu sẽ không bao giờ trở thành người lớn. Cậu bé San với tính cách đặc biệt và khác thường ấy lại là một cậu bé rất giàu tình cảm, luôn yêu quý chị Lương bằng một thứ tình cảm rất đỗi thiêng liêng. Cậu bé khát khao và mong mỗi chị Lương sẽ sớm được trở về chòm ba nhà, sống những tháng ngày êm đềm hạnh phúc bên ngôi nhà năm gian với ba mươi sáu hàng cột cũ kĩ sẽ lại loang khói mỗi chiều. Ngôi nhà của kí ức êm đềm tựa như những khát khao không thể nào chạm tới, vì vậy những khát khao càng trở nên khắc khoải, da diết khôn nguôi.

Tính cách của gia chủ, cuộc sống và mối quan hệ của mọi người trong gia đình cũng được thể hiện phần nào qua hình ảnh ngôi nhà của chính họ. Ngôi nhà chật hẹp hay rộng rãi, lạnh lẽo hay ấm áp, bảo tố hay bình yên phụ thuộc vào tính cách của chủ nhà và đời sống tinh thần của những con người cùng chung sống. Đó là ngôi nhà khoáng đạt như chính tính cách của Đăm – chàng trai miền núi luôn yêu mến và trân trọng thiên nhiên, thềm người, mến khách: “Ngôi nhà rộng một gian hai mái, mái nhà đã há miệng cười với mưa nắng. Vách nhà đón gió núi bốn mùa vào chơi” (*Mũi tên ám khói* – Ma Trường Nguyên). Tấm lòng cởi mở của bà cụ già người Tày mặc bộ áo chàm bạc phéch khiến ngôi nhà nhỏ của bà cụ trở nên thật gần gũi, đáng yêu trong mắt mọi người (*Chòm ba nhà* – Cao Duy Sơn). Ngôi nhà dường như cũng mang trong nó một linh hồn, biết buồn vui cùng với những vui buồn của chính con người. Đó là tâm trạng của Vương (*Ngõ nhỏ ven rừng* – Hoàng Luận) khi người vợ rời xa ngôi nhà bé nhỏ, đột nát, cũ kĩ để lên thành phố học, tình nghĩa vợ chồng vì thế cũng ngày một tẻ nhạt. Sống trong ngôi nhà sàn đột nát, vắng bóng người vợ thân yêu, không ít lần Vương thấy chóng chênh. Ngôi nhà xiêu vẹo, bé nhỏ, bị chìm vào thiên nhiên miền rừng tịch mịch, u tối, như chìm vào một nỗi buồn mênh mông. Gia đình của lão Phúng (*Biệt cánh chim trời* – Cao Duy Sơn) luôn phải sống trong cảnh tượng trớ trêu: cha không dám nhìn mặt con, vợ chẳng dám nhìn mặt chồng bởi bố chồng, nàng dâu trót mang tội loạn luân: “Nhà bây giờ thêm thằng Cầm nữa là bốn. Ngần ấy người mà nhà vẫn vắng như miếu gốc gạo”. Mặc cảm tội lỗi đeo đẳng khiến lão Phúng sống trong sự dày vò tâm can “trong ngôi nhà đá sau cánh cửa gỗ nghiêng dày

cộp lão lụi thui như cái bóng” để rồi phải tự kết liễu cuộc đời mình bằng một cái chết đau đớn. Lão Phúng chết rồi, “ngôi nhà có vẻ rộng ra”, rồi thằng Cầm cũng biến mất “ngôi nhà rộng tênh”, “nhà chỉ còn có gió”. Những câu hỏi như nhức nhối xoáy vào lòng người đầy day dứt: “Nhà này sao chỉ toàn những tai họa kinh hoàng? Một phần tư thế kỉ qua sao không lúc nào yên?”. Và câu trả lời càng khiến con người ta phải suy nghĩ nhiều hơn: “Nào ai có thấu nhà này mỗi phận là một cá thể không thể hòa nhập, là ung nhọt nhức nhối chực vỡ tung tóe khi thấy nhau” (*Biệt cánh chim trời* – Cao Duy Sơn). Vậy là, ngôi nhà là biểu tượng cao quý và thiêng liêng cho truyền thống gia đình, nề nếp gia phong. Muốn giữ cho ngôi nhà bền vững cùng năm tháng, phải giữ cho được nề nếp gia phong. Truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ trở thành thước đo, thành thứ đảm bảo cho sự trường tồn của mỗi ngôi nhà. Phạm vào điều thiêng liêng ấy thì cửa nát, nhà tan.

2.2. Biểu tượng bếp lửa

Khác với ngôi nhà của người Kinh, bếp thường ở một khu riêng và chủ yếu có chức năng đun nấu, trong ngôi nhà của nhiều DTTS MNPB, bếp lửa giữ vị trí trung tâm và trở thành một không gian văn hóa, biểu tượng văn hóa có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần của đồng bào. Ngọn lửa nói chung, bếp lửa nói riêng đã góp phần quan trọng làm nên đặc tính văn hóa của cộng đồng, trở thành một biểu tượng rất đặc trưng, thành tín hiệu thẩm mỹ độc đáo trong đời sống văn hóa của người dân miền núi.

Bếp lửa thường ở chính giữa của gian nhà trung tâm, là nơi tiếp khách, nơi họp bàn những công việc quan trọng của gia đình. Bếp lửa là không gian quản tụ của gia đình, làm phòng khách khi có người đến chơi. Ngọn lửa trong những ngày đông giá rét lại càng có ý nghĩa hơn, tạo không gian vui vẻ, quây quần bên nhau. Nhà văn Y Phương đã viết trong tập tản văn của mình: “Với người Tày Nùng chúng tôi, bếp lửa không chỉ đun nấu mà còn làm phòng khách. Nhất là vào những ngày mùa đông mưa rét cắt da cắt thịt, phòng khách kín mít những lưng là lưng. Lưng nào cũng choàng áo bông, áo len to sù, đầu chiếc mũ nồi. Chiếc nào cũng lên nước bồ hóng. Người ngồi đối diện với người, nhìn nhau qua ngọn lửa hồng mà bày ra khối chuyện khóc cười. Họ xỏ hết ruột gan ra mà tâm sự, có tiếng cửi lép bép vỗ vào tán thưỡng, lại còn có cả ánh lửa liếm ngang qua mặt người như dát vàng” [12, tr.58]. Bếp lửa là nơi khơi nguồn và giữ gìn sự sống, lửa không chỉ có chức năng làm chín đồ ăn thức uống mà còn dẫn dắt con người trong những câu chuyện, mang đến cho con người hơi ấm niềm vui. Không gian bếp lửa nhà sàn đối với người dân miền núi thực sự là một không gian ấm áp, thân quen và vô cùng gắn bó với các thế hệ cùng chung sống dưới một mái nhà: “Đêm đêm quanh bếp lửa giữa nhà sàn, khi ngọn lửa đã lặn vào trong than, cái nóng được ủ qua làn áo tro trắng mảnh là lúc câu chuyện của người ông lại lung linh cháy lên trong tâm hồn ngây thơ bé dại của thằng Đà – đứa cháu đích tôn của ông già Đông” (*Mùi tên ám khói* – Ma Trường Nguyên). Vào mùa đông giá lạnh,

trước cái rét như cắt da cắt thịt của núi rừng phía Bắc thì bếp lửa đã sưởi ấm con người, gia đình, họ hàng, xóm giềng. Tất cả quần tụ bên bếp lửa để xua đi giá lạnh. Bếp lửa trong những ngày đông lạnh giá đã thực sự mang đến cho con người miền núi cuộc sống diệu kì. Bếp lửa góp phần làm nên không khí ấm áp trong không gian văn hóa đặc trưng của đồng bào. Ngọn lửa góp phần làm thành ngày tết, tạo nên những khoảnh khắc thiêng liêng cho cộng đồng. Ngày tết của người Tày không bao giờ thiếu lửa, không có lửa thì không làm thành ngày tết. Với đồng bào các DTTS từ xa xưa, bếp lửa đóng một vai trò quan trọng trong đời sống sinh hoạt. Bếp lửa không chỉ thực hiện chức năng nấu chín thức ăn, sưởi ấm trong những tháng ngày đông giá rét mà bếp lửa đã trở thành trung tâm đời sống tinh thần của con người từ lúc mới sinh ra cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay. Nơi bếp lửa không chỉ có sự quần tụ của các thành viên trong gia đình mà còn là nơi tiếp đón khách khứa, bạn bè từ xa đến. Bên bếp lửa, nhiều truyền thống văn hóa được nối tiếp từ đời này qua đời khác.

Mỗi dân tộc đều có những tập tục, kiêng kỵ liên quan đến bếp lửa, gắn với quan niệm nhân sinh của mỗi tộc người. Người Mường khi dọn lên nhà mới có tục đặt bếp mới ba hòn nục (đồ rau), cạnh đó có một hòn to hơn gọi là nục cái – chủ của bếp, cạnh cột bếp đặt một quả bí ngô to nhiều phần, cắt ba con cá bằng bẹ chuối treo lên cột bếp, mời thầy mo đến nhóm lửa ở bếp mới. Lễ thức này mang ý nghĩa bếp luôn có cá nấu nướng, quả bí tượng trưng cho bụng đàn bà chứa, nhà mới luôn sinh sôi nguồn nhân lực, lửa thầy mo nhóm mang ý nghĩa thiêng liêng là nhà luôn đóm lửa. Nhưng điểm chung nhất là họ luôn trân trọng, giữ gìn bếp lửa, coi đó là biểu tượng gắn với người phụ nữ, hạnh phúc gia đình và những kỉ niệm thời thơ ấu. Dân tộc Thái với điệu xòe nổi tiếng luôn gắn liền với trung tâm là một đống lửa lớn mô phỏng không khí của gia đình Thái bên bếp lửa trong một cộng đồng lớn hơn như bản, mường. Y Phương viết về bếp lửa trong đời sống người Tày: “Từ lâu, lửa đã được người dân quê tôi ví như người mẹ. Thấu bầu thảng fây, đây bầu tắng pỏ mẽ, nghĩa là ấm áp không gì bằng lửa, lòng tốt không gì sánh bằng tình mẹ... Cho dù mưa tuyết rơi trắng xóa cả đất trời rừng cây núi đá lạnh đến ba bốn độ âm. Nhưng trong nhà vẫn đầy ắp tiếng nói tiếng cười giòn tan, ấm áp. Những bàn tay mập mạp hay nhăn nheo đều hồng hào khi hơi lên than đỏ...” [12, tr.171]. Ngọn lửa trong văn hóa Tày như là người mẹ, không phải là người mẹ - người đàn bà sinh nở mà là người mẹ chở che, sưởi ấm cho con người. Bếp lửa là biểu tượng cho sự khởi đầu, là cội nguồn của đời sống tình cảm con người miền núi. Bếp lửa là phần quan trọng, có thể coi là linh hồn của ngôi nhà. Công việc đầu tiên khi dọn nhà mới của nhiều DTTS MNPB đó là đắp bếp lửa. Với họ, ngôi nhà chưa có bếp lửa chưa thể là ngôi nhà theo đúng nghĩa. Thủ tục đắp bếp lửa cũng hết sức cầu kì, thể hiện những quan niệm về tâm linh và quan niệm về đời sống hết sức thú vị của đồng bào. Bếp lửa là nơi gắn kết tình cảm gia đình, là sự bắt đầu của

tình yêu đôi lứa, để bắt đầu cho một tình yêu lớn hơn là tình yêu Tổ quốc. Bếp lửa là nơi quần tụ, gắn kết tình cảm gia đình. Bếp lửa được nhóm lên là tín hiệu mời gọi mọi người đến với nhau, là khi có sự xuất hiện của các thành viên trong gia đình. Không gian sinh hoạt ấm áp của bếp lửa cũng như tấm lòng nồng hậu của người miền núi được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Lửa làm nên sự sống, đó là sự sống giản dị diễn ra trong suốt chiều dài lịch sử của cộng đồng. Lửa đã đi vào đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người dân miền núi một cách tự nhiên, rồi được truyền tải vào sáng tác văn chương với tư cách là một biểu tượng đẹp mang đầy sức sống. Hình ảnh ngọn lửa còn chứa đựng cả những quan niệm nhân sinh. Bởi vậy tình cảm vợ chồng được ví: “vợ chồng thương yêu nhau mặn mà, hạnh phúc nồng đượm như tấm chăn mùa đông, như đồng than hồng giữa bếp” (*Ái tình và kẻ hành khất* – Vi Hồng). Bếp lửa vừa là biểu tượng cho tình cảm yêu thương trong gia đình vừa mang ý nghĩa của sự nối tiếp truyền thống văn hóa giữa các thế hệ. Bếp lửa là biểu tượng của sự gắn kết con người với gia đình, với truyền thống trong đời sống tinh thần của con người. Bếp lửa còn là nơi nuôi dưỡng những phẩm cách, những khát vọng mang ý chí và nghị lực tộc người.

Trong tâm thức cộng đồng, ngọn lửa với màu đỏ là màu của sự may mắn, thiêng liêng; vì vậy trong những ngày tết người ta thường đốt lửa, có nơi người dân còn đi xin lửa ở chốn linh thiêng mang về nhà. Y Phương viết: “Giao thừa là một khoảng thời gian ngắn ngủi. Ngắn nhưng thiêng. Mọi người hãy nhanh chóng vứt hết cái cũ đi. Đón rước cái mới về. Vứt bỏ cái xui xẻo đi. Đón cái tốt lành về. Vứt bỏ cái ngu tối đi. Đón rước cái sáng láng về. Giao thừa đỏ từ bếp lửa đỏ ra. Đỏ lên cây bút cái cày” (*Ánh sáng đêm giao thừa – Kungfu người Co Xâu* – Y Phương). Một thói quen sinh hoạt đã thành thân thuộc: “Cả cái bản dân tộc Giáy nhỏ bé này nhà nào cũng ngồi tụ quanh bếp lửa chờ đón giao thừa” (*Dưới chân núi Tiên* – Lù Dín Siêng).

Bếp lửa còn là một biểu tượng thiêng liêng trong đời sống tâm linh của người dân miền núi. Dường như lửa cũng là một nhân vật trong ngôi nhà người Giáy (*Vua Phi* - Lù Dín Siêng), hàng ngày chứng kiến và tham dự vào cuộc sống của con người. Lửa hình như cũng biết buồn, biết vui và biết thấu cảm, chia sẻ với con người “lưỡi lửa liếm vào tỏa ra đủ bảy sắc cầu vồng, chúng nhảy nhót xòe múa uốn éo bên này, uốn éo bên kia như luồng gió, chốc chốc lại réo lên cười ...ù...ù nổ lép bép tung tóe hoa cà, hoa cải” (*Vua Phi* - Lù Dín Siêng). Lửa được miêu tả bằng con mắt đầy yêu thương và trân trọng của đồng bào Giáy, vừa như một người bạn tinh nghịch, dí dỏm, tươi vui, vừa như một vị thần có khả năng dự cảm, tiên đoán và thông tỏ mọi chuyện lớn nhỏ trong cuộc sống của con người “cụ Xiêm bảo: Nhà sắp có khách đấy! Nên lửa mới cười vui vẻ như thế” (*Vua Phi* - Lù Dín Siêng). Quan niệm nhân sinh của người dân miền núi cũng được thể hiện qua hình tượng bếp lửa, nhóm lửa cũng phải tùy tay người, lửa cháy đượm hay không cũng tùy thuộc vào người nhóm bếp. Hình ảnh bếp lửa trong đời sống của các cộng đồng dân

tộc miền núi không chỉ là hình ảnh của hiện thực nữa, mà bếp lửa đã mang ý nghĩa biểu trưng, lửa mang đến sự sống cho con người, ban cho con người một đời sống ấm áp, vui vẻ, lửa còn là tín hiệu tâm linh đã đi sâu vào trong ý niệm của cộng đồng về sự hiền linh, phù hộ của tổ tiên, ông bà đối với con cháu...

Không chỉ là không gian công cộng (nơi tiếp khách), bếp lửa còn là không gian riêng tư giúp người dân miền núi gần gũi và thấu hiểu nhau, chia sẻ với nhau nhiều hơn những niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống. Bếp lửa là không gian sinh hoạt thân thuộc của mọi người trong gia đình, không gian tâm tình của chồng với vợ, không gian ấm áp thỏ lộ những lời thầm kín của đôi lứa yêu nhau. Trong tiểu thuyết *Cây không lá* (Hoàng Luận), Hồ Lương công tác xa nhà, về với ngôi nhà thân thuộc, nơi bếp lửa ấm áp, bên người vợ - người bạn đời gần bó, anh cảm thấy hạnh phúc biết bao. Đó là lúc về khuya, khi mọi người trong gia đình đã đi ngủ, người vợ rón rén đến ngồi bên chồng nơi bếp lửa, là lúc những câu chuyện thầm thì to nhỏ, những câu chuyện không đầu không cuối... nhưng giúp gắn kết tình nghĩa vợ chồng, hâm nóng tình cảm vợ chồng sau bao ngày xa cách. Dưới ánh lửa bập bùng, hai khuôn mặt của đôi vợ chồng trẻ rạng lên, tươi tắn, đắm thắm tình yêu thương, như thời mới cưới, những khoảng cách về thời gian, không gian của những tháng ngày thương nhớ như được rút lại thật gần, thật ấm áp, thân quen nơi bếp lửa. Đó là không gian của mối tình mới nảy nở còn nhiều ngại ngùng, do dự. Không gian ấy dường như xóa đi những khoảng cách và sự ngần ngại, để lại những kỉ niệm khó quên trong lòng người. Bếp lửa cũng là nơi những lời trò chuyện, tâm tình của đôi trai gái Sương và Ôn được tỏ bày Bếp lửa xóa đi khoảng cách và sự ngần ngại thường ngày: “Càng về khuya. Trước mặt: ấm lửa, sườn bên nhau: ấm hơi, lòng ấm lời tình tứ”, đó là giây phút để “bốn mắt nhìn nhau, rục rịch như ánh lửa” (*Mối tình mùa Sinh – Vương Trung*) để rồi ngồi sát bên nhau, cùng chia nhau hơi ấm, nụ cười cùng những lời tình tự.

Bếp lửa còn là biểu tượng cho sự tận tảo, đảm đang, khéo léo, là tấm lòng ấm nóng giàu tình yêu thương của người phụ nữ miền núi dành cho gia đình, con cái. Người mẹ nuôi của Thức – người đàn bà Dao tiên ở Phja Deng trong giây phút hồi hộp lo lắng vì đứa con trai nuôi (mới vừa mười ba tuổi đi rừng đã hai ngày không trở về) đáp lại tiếng hú của bà, niềm vui sướng vỡ òa trong nước mắt của hạnh phúc. Ngay giây phút ấy, bà nghĩ ngay đến việc “đón nó về, đốt lửa cho nó sưởi, nấu cho nó một nồi com nếp nướng thật đầy và nóng để nó ăn với thịt gà canh gừng” (*Đàn trời – Cao Duy Sơn*). Không gian bếp lửa là không gian văn hóa ẩm thực của mỗi cộng đồng người. Công năng to lớn của lửa là chế tạo ra đồ ăn, thức uống – những món ăn từ bao đời nay của con người được làm ra từ ngọn lửa. Bếp lửa là nơi chế biến ra rất nhiều món ăn, đặc biệt là món ăn vào những dịp lễ tết – nó vừa phục vụ cho sinh hoạt ăn uống lại vừa phục vụ cho sinh hoạt

văn hóa tâm linh. Bếp lửa là nơi con người chế biến những món ăn đặc trưng cho đời sống văn hóa vật chất và cả tinh thần của cộng đồng dân tộc.

3. KẾT LUẬN

Trong đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào DTTS, hầu hết các chi tiết đời sống đều mang trong nó một ý nghĩa văn hóa nào đó, bởi vậy, có những hình tượng gắn bó đến thành thân thuộc với con người trong cuộc sống hàng ngày đã trở thành những biểu tượng văn hóa có ý nghĩa to lớn, gắn với tâm thức và quan niệm văn hóa, quan niệm nhân sinh của cả cộng đồng người. Ngôi nhà và bếp lửa đã trở thành những biểu tượng văn hóa độc đáo trong đời sống của đồng bào và ghi những dấu ấn đậm nét trong tiểu thuyết của nhiều nhà văn DTTS MNPB sau 1986. Khai thác giá trị văn hóa của biểu tượng ngôi nhà, biểu tượng bếp lửa giúp người nghiên cứu hiểu sâu sắc hơn đời sống văn hóa tinh thần mang bản sắc riêng biệt cũng như những quan niệm nhân sinh độc đáo của mỗi tộc người thiểu số khu vực MNPB – khu vực văn hóa nhiều màu sắc trong bản đồ văn hóa Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Lê Bảo (2001), *Giải mã văn học từ mã văn hóa*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Duy Bắc (1999), *Mấy suy nghĩ về hướng nghiên cứu văn học nghệ thuật trong mối quan hệ với văn hóa*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật.
3. Nguyễn Thị Bích Hà (2013), *Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hóa dân gian*, Nxb Văn hóa Thông tin Hà Nội, Hà Nội.
4. Hê ghen (2005) (Phan Ngọc giới thiệu và dịch), *Mỹ học*, Nxb Văn học, Hà Nội.
5. Hà Lâm Kỳ (2000), *Nhà văn dân tộc thiểu số nghĩ và viết*, Tạp chí Văn hóa các dân tộc, số 10.
6. Hoàng Ngọc La (chủ biên) (2002), *Văn hoá dân gian Tày*, Sở Văn hoá Thông tin Thái Nguyên.
7. Đỗ Đức Lợi (2008), *Văn hoá Giáy*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
8. Trường Lưu - Hùng Đình Quý (1996), *Văn hoá dân tộc Mông Hà Giang*, Sở Văn hoá – Thông tin – Thể thao Hà Giang.
9. Vi Hồng Nhân (2004), *Văn hoá các dân tộc thiểu số - Từ một góc nhìn*, Nxb Văn hoá dân tộc.
10. Đào Thủy Nguyên (Chủ biên), Dương Thu Hằng (2014), *Bản sắc văn hóa dân tộc trong văn xuôi của các nhà văn dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
11. Phạm Duy Nghĩa (2012), *Văn xuôi Việt Nam hiện đại về dân tộc và miền núi*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

12. Y Phương (2011), *Tháng giêng – tháng giêng, một vòng dao quắm*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
13. Dương Thuần (2011), *Nhà văn phải trở thành sứ giả văn hóa của dân tộc mình*, <http://www.cand.com>
14. Đỗ Lai Thúy (2006), *Tiếp cận văn học từ hệ thống văn hóa*, <http://www.phebinhvanhoc.com>

SYMBOLS OF HOUSE, FIRE IN NOVELS OF ETHNIC MINORITIES IN THE NORTHERN MOUNTAINOUS AFTER 1986

Be Thi Thu Huyen

Abstract: *After 1986, Vietnamese ethnic minority literature in general and Northern mountain ethnic minority novel in particular had achieved outstanding success, thanks to the great effort that ethnic minority writers had made - which considered “culture ambassador” of their people. One of them was establishing an unique culture system as a one of a kind remark of their people in a colorful picture of ethnic groups in Vietnam. In this article, we explore insightfully into the symbols of house and wood burning stove - two of the cultural symbols that conveys the thoughts of Northern mountain ethnic minority people in great depth and represents their perspectives about life.*

Keywords: *symbol, house, fire, culture, novel, ethnic minorities, Northern mountainous region.*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 11-8-2022; ngày phản biện đánh giá: 06-9-2022; ngày chấp nhận đăng: 11-10-2022)